

**NGHỊ QUYẾT**

**Về kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 trên địa bàn huyện Cư Jút**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT  
KHÓA VII - KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 02 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh về việc ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước, tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh về việc ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh về việc ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu



quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách nhà nước thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2022;

Xét đề nghị của UBND huyện Cư Jút tại Tờ trình số 66/TTr-UBND ngày 08/7/2022 về việc phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 trên địa bàn huyện Cư Jút; Báo cáo thẩm tra số 96/BC-HĐND, ngày 11/7/2022 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp.

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Cư Jút năm 2022 là 39.476 triệu đồng; trong đó: Nguồn ngân sách trung ương: 24.396 triệu đồng, ngân sách địa phương 15.080 triệu đồng (bao gồm ngân sách huyện và ngân sách xã).

1. Phân bổ cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia cụ thể như sau:

a) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 6.029 triệu đồng (bao gồm vốn ngân sách trung ương 5.132 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương 897 triệu đồng. Trong đó ngân sách huyện 897 triệu đồng).

b) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 6.211 triệu đồng (bao gồm: nguồn ngân sách trung ương 5.646 triệu đồng, nguồn ngân sách địa phương 565 triệu đồng Trong đó ngân sách huyện 565 triệu đồng).

c) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 27.236 triệu đồng (bao gồm: nguồn ngân sách trung ương 13.618 triệu đồng; nguồn ngân sách địa phương 13.618 triệu đồng, Trong đó ngân sách huyện 8.038 triệu đồng, ngân sách xã 5.580 triệu đồng).

2. Nhiệm vụ bố trí vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện, cấp xã

Ngân sách địa phương bố trí vốn đối ứng cho 03 chương trình mục tiêu quốc gia từ nguồn ngân sách huyện và xã là: 15.080 triệu đồng, trong đó ngân sách cấp huyện 9.500 triệu đồng, ngân sách cấp xã 5.580 triệu đồng, cụ thể:

a) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi: 897 triệu đồng:

- Ngân sách cấp huyện: 897 triệu đồng.

b) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 565 triệu đồng:

- Ngân sách cấp huyện: 565 triệu đồng.





c) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 13.618 triệu đồng:

- Ngân sách cấp huyện: 8.038 triệu đồng.
- Ngân sách cấp xã: 5.580 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục I, II, III, IV đính kèm)

## **Điều 2. Giải pháp thực hiện**

1. Thực hiện theo quy định Luật Đầu tư công, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 và các quy định có liên quan; đẩy nhanh công tác chuẩn bị đầu tư, kiên quyết cắt giảm thủ tục không cần thiết, giao kế hoạch hàng năm, giải ngân vốn đầu tư công gắn với trách nhiệm giải trình của tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu.

3. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư và tổ chức thực hiện dự án, hạn chế phải điều chỉnh trong quá trình triển khai; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý nghiêm vi phạm; kiểm soát chặt chẽ mục tiêu dự án, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

4. Thực hiện huy động và lồng ghép nguồn vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.

5. Đối với dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp, áp dụng thực hiện theo cơ chế đặc thù triển khai thực hiện khi có Nghị quyết quy định của HĐND tỉnh.

## **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao UBND huyện

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật. Bố trí đủ vốn đối ứng thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định.

b) Căn cứ Nghị quyết này, lập và giao kế hoạch chi tiết cho các đơn vị triển khai thực hiện theo quy định.

c) Chỉ đạo các phòng, ban ngành của huyện hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn vướng mắc (nếu có) để các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân cấp các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả 03 chương trình mục tiêu quốc gia, đảm bảo tiến độ giải ngân vốn theo kế hoạch đề ra, chất lượng, hiệu quả công trình. Đồng thời, tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật.

d) Trong thời gian giữa 02 kỳ họp, nếu có nội dung cần thiết điều chỉnh, bổ sung, UBND huyện báo cáo, xin ý kiến của Thường trực HĐND huyện để triển khai thực hiện và báo cáo với HĐND huyện tại kỳ họp gần nhất.

2. Giao Thường trực HĐND huyện, các Ban của HĐND huyện, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Cư Jút khoá VII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân huyện thông qua./.*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TT. Huyện uỷ;
- TT, 02 Ban HĐND huyện;
- UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, ngành;
- TT. HĐND&UBND các xã, thị trấn;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu: VT, VP.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Phúc**







Phụ lục I

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CƯ JÚT**

(Kèm theo Nghị quyết số: 18/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của HĐND huyện Cư Jút)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục các chương trình	Tổng cộng	Ngân sách Trung ương					Ngân sách địa phương				
			Tổng		Tổng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển			Vốn sự nghiệp ngân sách huyện
			Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp					Tổng	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	
	<b>Tổng số (1+2+3)</b>	<b>39.476</b>	<b>27.912</b>	<b>11.564</b>	<b>24.396</b>	<b>15.931</b>	<b>8.465</b>	<b>15.080</b>	<b>11.981</b>	<b>6.401</b>	<b>5.580</b>	<b>3.099</b>
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	6.029	2.368	3.661	5.132	2.264	2.868	897	104	104		793
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	6.211	2.188	4.023	5.646	1.989	3.657	565	199	199		366
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	27.236	23.356	3.880	13.618	11.678	1.940	13.618	11.678	6.098	5.580	1.940

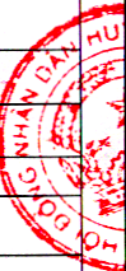
PHỤ LỤC II

PHÂN BỐ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CƯ JÚT  
NGUỒN VỐN: ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số: 18/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của HĐND huyện Cư Jút)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị thực hiện	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô công trình	Tổng mức đầu tư (dự kiến)	Kế hoạch vốn năm 2022	Các nguồn vốn thực hiện						Ghi chú	
							Ngân sách Trung ương			Ngân sách địa phương				
							Tổng cộng	Trong đó			Tổng	Trong đó		
								Nguồn vốn xây dựng nông thôn mới	Nguồn vốn giảm nghèo bền vững	Nguồn vốn phát triển kinh tế-xã hội cùng đồng bào dân tộc thiểu số		Ngân sách huyện		Ngân sách xã
<b>TỔNG CỘNG</b>					62.379	27.912	15.931	11.678	1.989	2.264	11.981	6.401	5.580	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững				1.500	2.188	1.989		1.989		199	199		
1	Trung tâm GDNN-GDTX					1.947	1.947		1.947					
		Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững				2.142	1.947		1.947		195	195		
		Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn				2.142	1.947		1.947		195	195		
		Công trình: Nhà xưởng để sản xuất Năm phục vụ dạy nghề	Trung tâm GDNN-GDTX cơ sở 2		1.500	1.100	1.000		1.000		100	100		
		Mua sắm trang thiết bị				1.042	947		947		95	95		
2	Phòng Lao động-TB&XH					46	42		42		4	4		
		Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững				46	42		42		4	4		
		Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững				46	42		42		4	4		
II	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					2.368	2.264			2.264	104	104		
1	UBND các xã					1.414	1.310			1.310	104	104		
*		Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt				1.414	1.310			1.310	104	104		
		UBND xã Ea Pô				286	270			270	16	16		
		UBND Xã Cư Knia				215	200			200	15	15		
		UBND xã Đăk Will				303	280			280	23	23		
		UBND xã Đăk Đrông				610	560			560	50	50		
2	UBND xã Đăk Will					949	949			949				
		Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				949	949			949				
		Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				949	949			949				
		Công trình: Đường bê tông thôn 9 đi ngã 6 xã Đăk Wil	Thôn 9, xã Đăk Wil	Đài: 1.200m, rộng: 3m, Cao: 18cm, mức 250	2.400	949	949			949				





STT	Tên đơn vị thực hiện	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô công trình	Tổng mức đầu tư (dự kiến)	Kế hoạch vốn năm 2022	Các nguồn vốn thực hiện						Ghi chú	
							Ngân sách Trung ương			Ngân sách địa phương				
							Tổng cộng	Trong đó			Trong đó			
								Nguồn vốn xây dựng nông thôn mới	Nguồn vốn giảm nghèo bền vững	Nguồn vốn phát triển kinh tế-xã hội cùng đồng bào dân tộc thiểu số	Tổng	Ngân sách huyện		Ngân sách xã
3	Phòng dân tộc					5	5		5					
		Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình				5	5		5					
		Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				5	5		5					
III	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</b>				58.479	23.356	11.678	11.678		11.678	6.098	5.580		
1	UBND Tâm Thắng	Công trình: Đường bê tông từ nghĩa trang Buôn Trum đi Buôn Ea Pô, xã Tâm Thắng	Buôn Trum, xã Tâm Thắng	Dài: 547m, rộng: 5m; BT mác 250 Cao: 18cm	2.700	500	500	500						
		Công trình: Sửa chữa đường ra trụ sở UBND xã Tâm Thắng, đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Ngo đến ngã 3 thôn 4	Thôn 4, xã Tâm Thắng	Dài: 114m, rộng: 7m; BT mác 250 Cao: 18cm, công, vỉa hè: 1,5m	1.500	1.000	500	500		500		500		
		Công trình: Nâng cấp mở rộng tuyến đường thôn 8 từ đường nhựa tuyến mới đến đường vành đai thôn 10	Thôn 8, thôn 10, xã Tâm Thắng	Dài: 1.150m, rộng: 3m; BT mác 250 Cao: 18cm	2.400	1.000	500	500		500		500		
		Công trình: Đường bê tông xi măng buôn nui đi bến nước	Buôn Nui	Dài: 670m, rộng: 5m; BT mác 250 Cao: 18cm	2.300	826	576	576		250		250		
2	UBND xã Trúc Sơn	Công trình: Đường bê tông thôn 1 từ đoạn nhà Bà Phấn đến đoạn nhà Ông Nguyễn Ba Biểu	Thôn 1, xã Trúc Sơn	Dài: 1.150m, rộng: 3,5m; BT mác 250 Cao: 18cm	2.422	600	300	300		300		300	UBND xã đăng ký 700tr, năm 2022 đối ứng 300tr còn lại 400tr chuyển qua năm 2023	
3	UBND xã Nam Dong	Công trình: Đoạn đường bê tông nối tiếp giữa thôn Tân Bình - Thôn Tân Ninh; Thôn 2-Thôn 3, xã Nam Dong, huyện Cư Jút	Thôn Tân Bình-Thôn tân Ninh	Dài: 700m, rộng: 3m; BT mác 250 Cao: 16cm, đắp lề mỗi bên 2,5m	1.800	500	500	500		0				
		Công trình: Đường bê tông thôn 7 đi thôn 10 xã Nam Dong	Thôn 7 đi thôn 10	Dài: 1,2km, rộng: 5m; BT mác 250 Cao: 18cm	4.200	1.400	700	700		700		700	UBND xã đăng ký 1 tỷ, năm 2022 đối ứng 700tr còn lại 300tr chuyển qua năm 2023	
		Công trình: Trường mẫu giáo thôn Tân Bình, thuộc điểm trường mẫu giáo Hòa Mỹ, xã Nam Dong, huyện Cư Jút	Thôn Tân Bình	Xây 01 phòng học, công, tường rào, sân bê tông, giếng khoan	1.500	1.000	500	500		500		500		
		Công trình: Đường bê tông thôn 8 đi thôn Tân Ninh	Thôn 8 đi thôn Tân Ninh	Dài: 01km, rộng: 3,5m; BT mác 250 Cao: 18cm	2.457	1.000	500	500		500		500	UBND xã đăng ký 600tr, năm 2022 đối ứng 500tr còn lại 100tr chuyển qua năm 2023	
4	UBND Xã Cư Knia	Công trình: Đường bê tông liên thôn 9 kết nối 2 trường học, xã Cư Knia	Thôn 9, xã Cư Knia	Dài: 1,5km, rộng: 3,5m; BT mác 250 Cao: 18cm	3.700	800	500	500		300		300	UBND xã đăng ký 1 tỷ, năm 2022 đối ứng 300tr còn lại 700tr chuyển qua năm 2023	
5	UBND xã Ea Pô	Công trình: Nâng cấp, mở rộng khu trung tâm, xã Ea Pô	Thôn Thanh Tâm, Đăk Thanh	Mở rộng lòng đường, bó vỉa, lát gạch vỉa hè, di chuyển lắp đặt đường ống nước sạch	4.000	1.400	700	700		700		700	UBND xã đăng ký 1 tỷ, năm 2022 đối ứng 700tr còn lại 300tr chuyển qua năm 2023	

STT	Tên đơn vị thực hiện	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô công trình	Tổng mức đầu tư (dự kiến)	Kế hoạch vốn năm 2022	Các nguồn vốn thực hiện						Ghi chú	
							Ngân sách Trung ương			Ngân sách địa phương				
							Tổng cộng	Trong đó			Trong đó			
								Nguồn vốn xây dựng nông thôn mới	Nguồn vốn giảm nghèo bền vững	Nguồn vốn phát triển kinh tế-xã hội cùng đồng bào dân tộc thiểu số	Tổng	Ngân sách huyện		Ngân sách xã
6	UBND xã Đăk D'Rông	Công trình: Đường bê tông khu tái định cư thôn 15	Thôn 15, xã Đăk Đ'rông	Dài: 800m rộng: 3m, Cao: 16cm, mác 250	1.500	600	300	300			300		300	
		Công trình: Đường bê tông thôn 17 đoạn từ ngã 3 nhà ông Thảo đến giáp thôn 18 xã Đăk Wil	Thôn 17, xã Đăk Đ'rông	Dài: 1.250m rộng: 3m, Cao: 16cm, mác 250	2.300	1.000	500	500			500		500	
7	UBND xã Đăk Wil	Công trình: Đường bê tông từ thôn 18 đi giáp biên thôn 17 Đăk Đ'rông	Thôn 18, xã Đăk Wil	Dài: 150m, rộng: 3m, Cao: 18cm, mác 250	300	230	200	200			30		30	
		Công trình: Đường bê tông thôn 9 đi ngã 6 xã Đăk Wil	Thôn 9, xã Đăk Wil	Dài: 1.200m, rộng: 3m, Cao: 18cm, mác 250	2.400	500	0				500		500	NS xã đối ứng nguồn phát triển KT-XH đồng bào DTTS
8	BQLDA&PTQĐ	Trường TH Lê Lợi, HM: Nhà hiệu bộ	Xã Ea Pô	Công trình cấp III	2.200	1.200	200	200			1.000	1.000		các công trình được điều chỉnh từ kế hoạch đầu tư công năm 2022 của huyện
		Trường TH Lê Lợi, HM: Nhà thư viện, 04 phòng chức năng	Xã Ea Pô	Công trình cấp III	3.300	1.800	300	300			1.500	1.500		
		Đường Mai Hắc Đế nối dài, Thị trấn Ea T'ling, huyện Cư Jút; Lý trình: Đường Mai Hắc Đế + đường liên xã Trúc Sơn-Cư K'nia-Đăk Đ'rông-Nam Dong	Thị trấn Ea T'ling, xã Trúc Sơn	Công trình cấp IV	5.500	2.500	1.500	1.500			1.000	1.000		
		Nâng cấp, mở rộng đường thôn 14 xã Nam Dong, huyện Cư Jút; Lý trình: UBND xã Nam Dong đi đập Cư Pu	Xã Nam Dong	Công trình cấp IV	12.000	5.500	2.902	2.902			2.598	2.598		





PHỤ LỤC III

PHÂN BỐ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CƯ JÚT  
NGUỒN VỐN: SỰ NGHIỆP

(Kèm theo Nghị quyết số: 18/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của HĐND huyện Cư Jút)

STT	Tên đơn vị thực hiện	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2022	Các nguồn vốn thực hiện							
				Ngân sách Trung ương			Ngân sách huyện				
				Tổng	Trong đó			Tổng	Trong đó		
					Nguồn vốn xây dựng nông thôn mới	Nguồn vốn giảm nghèo bền vững	Nguồn vốn phát triển kinh tế-xã hội cùng đồng bào dân tộc thiểu số		Nguồn vốn xây dựng nông thôn mới	Nguồn vốn giảm nghèo bền vững	Nguồn vốn phát triển kinh tế-xã hội cùng đồng bào dân tộc thiểu số
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>11.564</b>	<b>8.465</b>	<b>1.940</b>	<b>3.657</b>	<b>2.868</b>	<b>3.099</b>	<b>1.940</b>	<b>366</b>	<b>793</b>
<b>I</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững</b>		<b>4.023</b>	<b>3.657</b>		<b>3.657</b>		<b>366</b>		<b>366</b>	
1	Phòng Lao động-TB&XH		1.793	1.630		1.630		163		163	
		Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	1.341	1.219		1.219		122		122	
		Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	114	104		104		10		10	
		Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	114	104		104		10		10	
		Dự án 7: Nâng cao năng lực, giám sát và đánh giá chương trình	338	307		307		31		31	
2	Trung tâm GDNN-GDTX		1.650	1.500		1.500		150		150	
		Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	1.650	1.500		1.500		150		150	
		Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	1.650	1.500		1.500		150		150	
3	UBND xã		580	527		527		53		53	
		Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	580	527		527		53		53	
		Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	580	527		527		53		53	
	UBND xã Tâm Thắng		290	263,5		263,5		26,5		26,5	
	UBND Xã Cư Knia		290	263,5		263,5		26,5		26,5	
<b>II</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>		<b>3.661</b>	<b>2.868</b>		<b>2.868</b>		<b>793</b>		<b>793</b>	
1	UBND các xã		260	260		260					
		Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	260	260		260					
	UBND thị trấn Ea'tling		80	80		80					
	UBND Tâm Thắng		60	60		60					
	UBND xã Trúc Sơn		60	60		60					
	UBND xã Nam Dong		60	60		60					

STT	Tên đơn vị thực hiện	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2022	Các nguồn vốn thực hiện							
				Ngân sách Trung ương			Ngân sách huyện				
				Tổng	Trong đó			Tổng	Trong đó		
					Nguồn vốn xây dựng nông thôn mới	Nguồn vốn giảm nghèo bền vững	Nguồn vốn phát triển kinh tế-xã hội cùng đồng bào dân tộc thiểu số		Nguồn vốn xây dựng nông thôn mới	Nguồn vốn giảm nghèo bền vững	Nguồn vốn phát triển kinh tế-xã hội cùng đồng bào dân tộc thiểu số
2	Phòng Nông nghiệp & phát triển nông thôn		227	215			215	12			12
		Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá	227	215			215	12			12
		Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	227	215			215	12			12
3	UBND xã Đăk Wil		88	88			88				
		Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	88	88			88				
		Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	88	88			88				
4	Trung tâm GDNN-GDTX		1.502	1.102			1.102	400			400
		Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	1.502	1.102			1.102	400			400
		Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	1.502	1.102			1.102	400			400
5	Phòng Văn hóa và Thông tin		351	118			118	233			233
		Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	351	118			118	233			233
6	Phòng Y tế		206	88			88	118			118
		Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	206	88			88	118			118
7	Hội liên hiệp phụ nữ		73	73			73				
		Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	73	73			73				
8	UBND các xã		832	826			826	6			6
		Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	832	826			826	6			6
		Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	789	783			783	6			6
	UBND thị trấn Eafling		197	196			195,75	1,5			1,5
	UBND xã Ea Pô		197	196			195,75	1,5			1,5
	UBND xã Đăk D'Rông		197	196			195,75	1,5			1,5
	UBND xã Đăk Wil		197	196			195,75	1,5			1,5



STT	Tên đơn vị thực hiện	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2022	Các nguồn vốn thực hiện							
				Ngân sách Trung ương			Ngân sách huyện				
				Tổng	Trong đó			Tổng	Trong đó		
					Nguồn vốn xây dựng nông thôn mới	Nguồn vốn giảm nghèo bền vững	Nguồn vốn phát triển kinh tế-xã hội cùng đồng bào dân tộc thiểu số		Nguồn vốn xây dựng nông thôn mới	Nguồn vốn giảm nghèo bền vững	Nguồn vốn phát triển kinh tế-xã hội cùng đồng bào dân tộc thiểu số
	Phòng dân tộc	Tiểu dự án 02: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	43	43			43				
9	Phòng dân tộc		122	98			98	24		24	
		Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	22	22			22				
		Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	22	22			22				
		Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	100	76			76	24		24	
		Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.	97	73			73	24		24	
		Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	3	3			3				
III	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</b>		<b>3.880</b>	<b>1.940</b>	<b>1.940</b>			<b>1.940</b>	<b>1.940</b>		
1	Phòng Nông nghiệp & phát triển nông thôn		1.430	790	790			640	640		
		Thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm	350	350	350						
		Công tác truyền thông trong xây dựng nông thôn mới	300	300	300						
		Chi phí quản lý Chương trình cấp huyện	200	140	140			60	60		
		Thực hiện đề án liên kết trong sản xuất nông nghiệp	400					400	400		
		Các lớp tập huấn cho lao động nông thôn	100					100	100		
		Triển khai kế hoạch nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp	80					80	80		
2	UBND các xã		700					700	700		
		UBND xã Trúc Sơn	100					100	100		
		UBND xã Tâm Thắng	100					100	100		
		UBND xã Nam Dong	100					100	100		
		UBND xã Cư Knia	100					100	100		
		UBND xã Đăk D'rông	100					100	100		
		UBND xã Ea Pô	100					100	100		
		UBND xã Đăk Will	100					100	100		

STT	Tên đơn vị thực hiện	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2022	Các nguồn vốn thực hiện								
				Ngân sách Trung ương			Ngân sách huyện					
				Tổng	Trong đó			Tổng	Trong đó			
					Nguồn vốn xây dựng nông thôn mới	Nguồn vốn giảm nghèo bền vững	Nguồn vốn phát triển kinh tế-xã hội cùng đồng bào dân tộc thiểu số		Nguồn vốn xây dựng nông thôn mới	Nguồn vốn giảm nghèo bền vững	Nguồn vốn phát triển kinh tế-xã hội cùng đồng bào dân tộc thiểu số	
3	Trung tâm GDNN-GDTX		700	700	700							
		Đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu thị trường	700	700	700							
4	Phòng Giáo dục và Đào tạo		350	250	250			100	100			
		Phát triển giáo dục nông thôn	350	250	250			100	100			
5	Phòng Văn hóa và Thông tin		300	200	200			100	100			
		Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn	300	200	200			100	100			
6	Trung tâm dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp		400					400	400			
		Các lớp tập huấn về ghép cây tạo cây ăn trái, cà phê, bảo vệ thực vật	270					270	270			
		Xây dựng mô hình nuôi gà Đông tảo trên địa bàn thị trấn Ea T'ling, xã Ea Pô	130					130	130			







Phụ lục IV

**TỔNG HỢP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐÓNG THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số: 18/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của HĐND huyện Cư Jút)

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Đơn vị	Tổng cộng	Vốn đầu tư			Vốn sự nghiệp
			Tổng	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	
	<b>TỔNG CỘNG = A+B+C</b>	<b>15.080</b>	<b>11.981</b>	<b>6.401</b>	<b>5.580</b>	<b>3.099</b>
A	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	897	104	104		793
B	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	565	199	199		366
C	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	13.618	11.678	6.098	5.580	1.940